

Số: 779 /2017/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về đơn giá vận chuyển, bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vĩ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 37/TTr-SXD ngày 14 /3/2017; Báo cáo thẩm định số 152/BCTĐ-STC Ngày 21/12/2016 của Sở Tài chính và Báo cáo thẩm định số 07/BCTĐ-STP ngày 28/02/2017 của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định quy định về đơn giá vận chuyển bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vĩ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Quy định về đơn giá vận chuyển, bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vĩ (chi tiết tại các bảng Phụ lục kèm theo).

2. Đơn giá vận chuyển, bốc xếp vật liệu xây dựng quy định tại Quyết định này là cơ sở lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn huyện đảo Bạch Long Vĩ gồm: Tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu, giá xây dựng, giá hợp đồng, chỉ số giá xây dựng.



Điều 2.

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn huyện đảo Bạch Long Vĩ sử dụng đơn giá vận chuyên, bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vĩ được công bố tại Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác trên địa bàn huyện đảo Bạch Long Vĩ có thể áp dụng các quy định của Quyết định này.

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng, công trình, hạng mục công trình chưa được thẩm định, phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, hạng mục công trình đã phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc đã tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng xây dựng thì áp dụng Quyết định này.

3. Đối với gói thầu đã ký hợp đồng xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 13/9/2000 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định đơn giá vận chuyên bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vĩ.

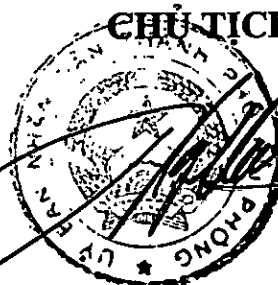
Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố; các chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Đoàn ĐBQH HP; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các CPVP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố; Báo Hải Phòng;
- Đài PT&THHP;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Như Điều 5;
- CV: XD, TC;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC

Đơn giá vận chuyển, bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định 779/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Đơn giá bốc xếp tại Hải Phòng

STT	Tên hàng hóa (VLXD)	ĐVT	Đơn giá bốc xếp	Ghi chú
1	Cát các loại	đ/tấn	18.000	
2	Đá 0,5x1; Đá 1x2; Đá 2x4; Đá 4x6;	đ/tấn	24.000	
3	Đá hộc	đ/tấn	41.500	
4	Xi măng bao (50kg/bao); Bột bả	đ/tấn	46.000	
5	Thép cây, thép cuộn, thép hình	đ/tấn	38.000	
6	Gạch xây các loại	đ/tấn	41.500	
7	Các loại vật liệu hoàn thiện có yêu cầu xếp dỡ cẩn trọng: Sơn; Tấm trần thạch cao; Các loại cửa; Gạch men, sứ vệ sinh, đá xẻ, tôn lợp fipro xi măng, tấm lợp nhựa....	đ/tấn	109.000	
8	Thiết bị máy thi công <10 tấn/1 thiết bị (Xe ô tô; máy xúc; xe lu; xe cầu..)	đ/thiết bị	1.727.000	
9	Thiết bị máy thi công 10÷20 tấn/1 thiết bị (Xe ô tô; máy xúc; xe lu; xe cầu..)	đ/thiết bị	2.992.000	

Ghi chú:

- Mức giá trên là mức giá tối đa chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Đơn giá trên không áp dụng khi tàu biển vào thẳng các nhà máy xi măng nhận hàng.

2. Đơn giá vận chuyển đường biển từ thành phố Hải Phòng đến đảo Bạch Long Vĩ: (Khoảng cách tính cước vận chuyển bình quân từ các cảng thuộc thành phố Hải Phòng đến Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ ước tính là 140km, phương tiện vận tải là tàu biển có trọng tải từ 450 tấn đến 1.000 tấn)

STT	Tên hàng hóa (VLXD)	ĐVT	Đơn giá vận chuyển đường biển	Ghi chú
1	Cước vận tải bằng tàu biển áp dụng cho hàng bậc 1	đ/tấn	191.000	

2	Cước vận tải bằng tàu biển áp dụng cho hàng bậc 2	đ/tấn	210.000	
3	Cước vận tải bằng tàu biển áp dụng cho hàng bậc 3	đ/tấn	241.000	

Ghi chú:

- **Hàng bậc 1:** Các loại vật tư như: Cát, sỏi, đá 1x2, đá 0,5x1, đá bụi, đá dăm, gạch xây các loại.

- **Hàng bậc 2:** Đá các loại (trừ đá quy định tại nhóm 1); Gỗ ván sàn, gỗ ép, gỗ dán, gỗ thành khí, gỗ súc, gỗ cây các loại: Xăng, dầu, mỡ các loại; Gạch men, gạch ốp trang trí các loại; Đá ốp lát; Khung gỗ lắp kính các loại; Kính các loại; Kim loại dạng thanh, cuộn, tấm, ống, dây, Container; Cấu kiện bê tông.

- **Hàng bậc 3:** Xi măng đóng bao; Vôi các loại; Các loại máy móc, phụ tùng; Khung nhà, khung kho các loại; Các loại công cụ lao động; Các loại tre, luồng, vầu, bương, song, mây, nứa; Các loại phương tiện vận tải.

- Trường hợp vận chuyên các mặt hàng không có tên trong danh mục 3 bậc hàng nêu trên thì căn cứ vào đặc tính của mặt hàng tương đương về trọng lượng, kích thước, hình dáng, cấu tạo, để xếp vào bậc hàng thích hợp để xác định giá vận chuyên.

- Đơn giá trên là đơn giá tối đa chưa bao gồm thuế VAT; đơn giá trên đã bao gồm cả chi phí lượt tàu chạy không có hàng từ Đảo Bạch Long Vĩ về đất liền.

- Đơn giá trên là đơn giá vận tải mùa biển êm (từ 01/3 đến 31/8), đơn giá vận tải mùa biển động (từ 01/9 đến 28/2) tăng thêm 10%.

- Đơn giá trên được xác định trên cơ sở dỡ hàng qua Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ trong điều kiện năng lực xếp dỡ và giá nhiên liệu tại thời điểm hiện tại. Các loại hàng hóa dỡ hàng tại Bạch Long Vĩ bằng phương pháp khác như (bơm hút cát, bơm xi măng rời ...) có khả năng giải phóng tàu nhanh giá cước áp dụng không vượt quá 80% đơn giá hàng hóa bậc 1 tại bảng trên. Khi Ban Quản lý cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ nâng được năng suất xếp dỡ hoặc giá nhiên liệu có biến động trên 30% so với giá hiện tại đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ báo cáo UBND thành phố để xem xét điều chỉnh.

- Đơn giá trên được xác định khi tàu nhận hàng đã được tập kết tại một cảng và trả hàng tại Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ; Trường hợp khi không đủ hàng, tàu phải vận chuyên thiếu tải hoặc tàu phải nhận hàng từ 2 cảng trở lên Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan lập phương án vận chuyên gửi về Sở Xây dựng để xem xét.

- Do đặc thù khi vận chuyên vật liệu ra Đảo Bạch Long Vĩ có nhiều loại vật tư vật liệu trên cùng một chuyến tàu, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan cần

lập phương án tối ưu về vị trí cũng như số cảng nhận hàng của một chuyến để giảm chi phí trung chuyển tập kết hàng xuống tàu. Chi phí trung chuyển tập kết hàng hóa vật liệu xây dựng đến cảng xếp hàng xuống tàu, xác định theo Đơn giá của Ủy ban nhân dân thành phố và định mức vận chuyển của Bộ Xây dựng.

- Trọng lượng tính cước:

+ Trọng lượng tính cước là trọng lượng hàng hóa thực chở (kể cả bao bì). Trọng lượng vật liệu dùng để kê, chèn, lót, chằng buộc hàng hóa không tính vào trọng lượng tính cước. Đối với hàng hóa trong container, trọng lượng tính cước được xác định theo dung tích đăng ký của container, cứ 2,5m³ tính là 1 tấn.

+ Đơn vị trọng lượng tính cước là tấn, số lẻ dưới 0,5 Tấn không tính, số lẻ từ 0,5 Tấn trở lên tính là 1 Tấn.

+ Trọng lượng của các loại vật liệu khi không được cân và cần quy đổi sang đơn vị tính là tấn xác định theo quy định tại Phụ lục của Định mức vật tư trong xây dựng ban hành kèm Công văn số 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

+ Trọng lượng tính cước một số trường hợp riêng:

* Một Tấn thực chở được tính bằng 2 Tấn đối với các loại hàng hóa như: mây tre, song, nứa, vầu, trúc, bương.

* Một Tấn thực chở được tính bằng 3 Tấn đối với các phương tiện và thiết bị thi công như: ô tô, xe công trình (xe lu, xe trải nhựa ...), sà lan, phao nổi.

* Một mét khối (m³) được tính 1 Tấn đối với các loại hàng hóa như: Máy móc thiết bị công kênh, gỗ cây, gỗ xẻ, gỗ súc.

- Trường hợp hàng quá nặng, hàng có kích thước lớn (Hàng quá nặng là kiện hàng có trọng lượng thực tế trên 20 tấn đến 100 tấn không thể tháo rời được khi xếp lên tàu biển; Hàng có kích thước lớn là kiện hàng có chiều dài thực tế trên 12 mét đến 40 mét; có chiều rộng thực tế trên 4 mét đến 10 mét; có chiều cao thực tế trên 3,5 mét đến 4,5 mét nhưng không thể tháo rời được khi xếp lên tàu biển) Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan lập phương án vận chuyển gửi về Sở Xây dựng để xem xét.

3. Đơn giá bốc xếp tại Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ.

STT	Tên hàng hóa (VLXD)	ĐVT	Đơn giá bốc xếp	Ghi chú
1	Hàng rời: Cát vàng; Đá 0,5x1; Đá 1x2;	đ/tấn	52.500	
2	Đá hộc; Đá 2x4; Đá 4x6;	đ/tấn	59.500	
3	Hàng đóng bao, đóng hộp: Xi măng; Bột bả; Sơn...	đ/tấn	78.500	
4	Thép cây, thép cuộn, thép hình	đ/tấn	59.500	

5	Gạch xây các loại	đ/tấn	52.500	
6	Các loại vật liệu hoàn thiện có yêu cầu xếp dỡ cẩn trọng: Tấm trần thạch cao; Các loại cửa; Gạch men, sứ vệ sinh, đá xẻ, tôn lợp fipro xi măng, tấm lợp nhựa....	đ/tấn	130.500	

Ghi chú:

- Mức giá trên là mức giá tối đa chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Đơn giá vận chuyển từ Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ đến Khu vực 1 trên đảo Bạch Long Vĩ.

STT	Tên hàng hóa (VLXD)	ĐVT	Đơn giá vận chuyển	Ghi chú
1	Hàng rời: Cát vàng; Đá 0,5x1; Đá 1x2;	đ/tấn	47.500	
2	Đá hộc; Đá 2x4; Đá 4x6;	đ/tấn	50.500	
3	Hàng đóng bao, đóng hộp: Xi măng; Bột bả; Sơn...	đ/tấn	51.500	
4	Thép cây, thép cuộn, thép hình	đ/tấn	50.500	
5	Gạch xây các loại	đ/tấn	47.500	
6	Các loại vật liệu hoàn thiện có yêu cầu xếp dỡ cẩn trọng: Tấm trần thạch cao; Các loại cửa; Gạch men, sứ vệ sinh, đá xẻ, tôn lợp fipro xi măng, tấm lợp nhựa....	đ/chuyến	450.000	

Ghi chú:

- Mức giá trên là mức giá tối đa chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đến khu vực I (Khu vực I tính từ vị trí cầu cảng đến dưới chân đồi trong khu vực Liên đội Thanh niên xung phong kéo dài đến Trạm giống bào ngư).

- Khu vực 2 tăng thêm 10% (Khu vực 2 từ Trạm giống bào ngư đến chốt mòm Đông Tiểu đoàn phòng thủ).

- Khu vực 3 tăng thêm 20% (Khu vực 3 từ Chốt mòm Đông Tiểu đoàn phòng thủ đến Cảng Tây bắc đảo).

- Khu vực 4 tăng thêm 40% (Khu vực 4 từ Cảng Tây bắc đảo đến trường Tiểu học mẫu giáo).

- Khu vực 5 tăng thêm 60% (Các khu vực đường vòng quanh đảo lưng đồi).

- Khu vực 6 tăng thêm 120% (Khu vực đường vào quanh đảo lưng đồi).